

Số: /TTr-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng
và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (viết tắt là Kế hoạch) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, yêu cầu bảo đảm công khai, minh bạch thông tin về nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (viết tắt là TXNG), giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh là yêu cầu cấp thiết, dựa trên các định hướng lớn của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

a) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết xác định khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong những đột phá chiến lược. Một trong những mục tiêu quan trọng mà Nghị quyết đã đặt ra là: Đến năm 2030, tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. Do đó, các địa phương phải chủ động nâng cao năng suất chất lượng, thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tiêu chuẩn tiên tiến và đổi mới phương thức quản trị nhằm góp phần tăng TFP, trong đó, TXNG sản phẩm, hàng hóa là một trong những giải pháp thúc đẩy.

Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, giai đoạn 2026-2030 là công cụ hỗ trợ thúc đẩy để địa phương thực hiện nhiệm vụ này.

b) Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác

tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đến năm 2030 và những năm tiếp theo

Chỉ thị nhân mạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng hiện đại, đồng bộ, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh chuyển đổi số, TXNG, mã số mã vạch; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các trung tâm kiểm định vùng; tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Để thực hiện tốt các nội dung trên, địa phương cần tăng cường triển khai các hoạt động nâng cao năng suất chất lượng nói chung và hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá nói riêng, bảo đảm doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu pháp luật, thị trường trong và ngoài nước theo tinh thần của Chỉ thị.

c) Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi, bổ sung năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026)

Luật xác định các chính sách lớn của Nhà nước như: đầu tư hạ tầng kỹ thuật chất lượng quốc gia; ưu tiên kinh phí xây dựng tiêu chuẩn – quy chuẩn; thúc đẩy tổ chức đánh giá sự phù hợp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tiêu chuẩn; tuyên truyền nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn – quy chuẩn.

Để triển khai các quy định mang tính chiến lược này, địa phương cần có kế hoạch hành động cụ thể cho giai đoạn 2026–2030.

d) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026)

TXNG và minh bạch chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hoá đã được Luật quy định cụ thể, đối với sản phẩm, hàng hoá có mức độ rủi ro cao, việc TXNG là bắt buộc và có lộ trình thực hiện đảm bảo yêu cầu; hỗ trợ đào tạo nhân lực, doanh nghiệp triển khai TXNG; ứng dụng công nghệ trong quản lý để bảo đảm minh bạch thông tin, TXNG, kết nối và chia sẻ dữ liệu, trong toàn bộ vòng đời sản phẩm, hàng hoá,... Đây là những giải pháp của Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG theo Quyết định số 100/QĐ-TTg và yêu cầu địa phương phải có kế hoạch triển khai kịp thời.

đ) Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, yêu cầu UBND các tỉnh chỉ đạo đơn vị chức năng xây dựng, triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Trước khi thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và chính quyền địa phương 2 cấp, UBND tỉnh Bình Định và Gia Lai (cũ) đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án, do đó, để thống nhất và đảm bảo tính liên tục triển khai Đề án sau khi thực hiện chủ trương sắp xếp, UBND tỉnh cần ban hành Kế hoạch thực hiện giai

đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai mới hiện nay.

2. Cơ sở thực tiễn

- Để triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các sở, ban, ngành và tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 12/3/2020 (tỉnh Bình Định)¹ và Kế hoạch số 1696/KH-UBND ngày 18/8/2020 (tỉnh Gia Lai cũ)², với các mục tiêu, giải pháp và nhiệm vụ cụ thể.

- Qua hơn 05 năm thực hiện, hầu hết các mục tiêu được duyệt tại các Kế hoạch nêu trên đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu đề ra. Cụ thể: (1) Hoạt động thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, xã hội về hoạt động TXNG (*Kết quả thực hiện: 02 phóng sự; 05 hội thảo; khảo sát, làm việc trực tiếp tại 118 tổ chức, doanh nghiệp*); (2) Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về TXNG (*Kết quả thực hiện: 09 lượt công chức; 12 lớp tập huấn*); (3) Xây dựng cơ sở hạ tầng về giải pháp TXNG đáp ứng yêu cầu cơ bản hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá và kết nối với Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương (*Hệ thống TXNG tỉnh Gia Lai và có địa chỉ là txng.gialai.gov.vn*); (4) Xây dựng danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực, trọng điểm triển khai TXNG trên địa bàn tỉnh (*4969/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định*); (5) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân triển khai, áp dụng hệ thống TXNG (*Hỗ trợ 24 tổ chức, doanh nghiệp xây dựng hệ thống TXNG*).

Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, giải pháp và nhiệm vụ thuộc các Kế hoạch nêu trên được thực hiện thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm. Trong đó, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh, với tổng kinh phí thực hiện trong năm 2020-2025: 5,692 tỷ đồng.

- Hiện tại, một số mục tiêu chưa đạt theo Kế hoạch số 1696/KH-UBND ngày 18/8/2020 đề ra và đang được tiếp tục triển khai thực hiện trên địa bàn phía Tây của tỉnh. Cụ thể: (1) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai xây dựng mô hình áp dụng Hệ thống TXNG các sản phẩm: rau, củ, quả, mật ong, dược liệu, lâm sản,... (*kết quả theo kế hoạch: 05/10 mô hình*); (2) Đảm bảo doanh nghiệp của tỉnh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng mã số, mã vạch có hệ thống TXNG áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, đảm bảo khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với hệ thống

¹ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Bình Định thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.

² Kế hoạch số 1696/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh Gia Lai thực hiện “hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

TXNG của doanh nghiệp trong nước và quốc tế, tối thiểu 30% (*kết quả 01 doanh nghiệp*).

3. Thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

Thuận lợi: Một số doanh nghiệp, chủ thể OCOP đã áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, xây dựng chuỗi liên kết và thực hành sản xuất tốt, hỗ trợ kiểm soát chất lượng và TXNG; Sự phối hợp hiệu quả giữa các sở, ngành trong ứng dụng khoa học và công nghệ cho sản phẩm OCOP; Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kịp thời các tiêu chuẩn và vận hành Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hoá quốc gia.

Khó khăn và nguyên nhân: Doanh nghiệp, hộ sản xuất nhỏ lẻ, nhận thức và khả năng tiếp cận TXNG còn hạn chế; Tập quán sản xuất theo kinh nghiệm, chuỗi liên kết chưa chặt chẽ, thiếu nhân lực và trang thiết bị vận hành hệ thống; Quy định về sản phẩm phải TXNG và công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm chưa đầy đủ, cụ thể.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục đích

Đảm bảo tính liên tục sau khi thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và chính quyền địa phương 2 cấp và theo yêu cầu trong việc tổ chức thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, với trách nhiệm được giao đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp triển khai hiệu quả Quyết định số 100/QĐ-TTg; nâng cao nhận thức về TXNG, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin phục vụ người tiêu dùng và quản lý nhà nước. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Thiết lập mục tiêu

Các mục tiêu giai đoạn 2026–2030 được lựa chọn dựa trên:

(1) Các định hướng lớn của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của địa phương đã được viện dẫn tại mục Cơ sở chính trị và pháp lý;

(2) Kết quả thực hiện 2020–2025 và những khó khăn, nguyên nhân rút ra từ thực tiễn quá trình thực hiện của địa phương;

(3) Yêu cầu từ Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG.

b) Các mục tiêu cụ thể

(1) Thực hiện tối thiểu 05 tin, bài, phóng sự tuyên truyền về TXNG trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức ít nhất 05 hội nghị, hội thảo, diễn đàn hoặc khóa đào tạo, tập huấn về TXNG;

(2) Đào tạo tối thiểu 10 lượt công chức làm công tác quản lý nhà nước về TXNG; Tổ chức ít nhất 05 lớp đào tạo, tập huấn cho tổ chức, cá nhân sản xuất – kinh doanh và cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh;

(3) Duy trì ít nhất 01 (một) hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh và kết nối Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hoá quốc gia;

(4) Hỗ trợ xây dựng ít nhất 30 mô hình về hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá. Hỗ trợ mở rộng áp dụng mô hình về hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá ít nhất cho 30 tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh;

(5) Hướng dẫn, hỗ trợ 100% sản phẩm, hàng hóa có mức rủi ro cao thực hiện TXNG theo lộ trình pháp luật;

(6) Đến năm 2030, có ít nhất 10 tổ chức, cá nhân được đánh giá, chứng nhận hệ thống TXNG phù hợp tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

c) Nhiệm vụ và giải pháp

Đảm bảo theo định hướng của Đề án, Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thực tiễn tại địa phương, nội dung cơ bản cụ thể như sau:

(1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy các hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá và công tác quản lý nhà nước;

(2) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá;

(3) Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức quản lý và cán bộ quản lý tại các tổ chức, cá nhân về TXNG sản phẩm, hàng hoá;

(4) Xây dựng cơ sở hạ tầng TXNG sản phẩm, hàng hoá;

(5) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá;

(6) Hỗ trợ đánh giá sự phù hợp trong hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá;

(7) Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá.

3. Quá trình xây dựng

Sở Khoa học và Công nghệ (trực tiếp Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch giai đoạn 2020-2025 và nghiên cứu các định hướng của Trung ương và thực tiễn địa phương cũng như các nội dung, nhiệm vụ theo các Quyết định số 100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, dự thảo Kế hoạch triển khai trong giai đoạn 2026-2030 của tỉnh.

Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ban, ngành và UBND xã, phường có liên quan trên địa bàn tỉnh (Văn bản số /SKHCN-TĐC ngày .../.../2025); đăng tải toàn bộ hồ sơ dự thảo Kế hoạch giai đoạn 2026-2030 trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Gia Lai. Đồng thời xin ý kiến của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ - Cơ quan trực tiếp triển khai Đề án của Thủ tướng Chính phủ (Văn bản số ... /SKHCN-TĐC ngày .../.../2025).

Tiếp thu ý kiến và tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trước khi trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

III. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ các nguồn vốn: kinh phí từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và tổ chức tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch; đồng thời, định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch cho UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

- Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện quản lý nhà nước và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

b) Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo mục tiêu và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách và theo đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ tại Kế hoạch này theo quy định.

c) Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch theo thẩm quyền được phân công; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

d) Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai

Phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường thực hiện thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả triển khai của Kế hoạch, các mô hình áp dụng có hiệu quả và doanh nghiệp triển khai hoạt động TXNG sản phẩm, hàng hoá nổi bật, nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Các hoạt động chủ yếu của Kế hoạch bao gồm: Hoàn thiện cơ chế, chính sách; Công tác thông tin, tuyên truyền; Đào tạo, tập huấn; Xây dựng cơ sở hạ tầng; Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động TXNG;...

Nguồn lực tài chính cho các hoạt động trên sẽ được dự toán chi từ Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh, đồng thời, huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (kinh phí đối ứng của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định pháp luật). Đối với nguồn nhân lực, kết hợp nguồn lực tại địa phương và thuê bên ngoài để triển khai thực hiện, đồng thời, sử dụng cơ sở vật chất tại các cơ quan, đơn vị nhà nước liên quan để triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch được ban hành.

Do vậy, với kết quả triển khai Kế hoạch giai đoạn 2020-2025 và điều kiện thực tiễn về nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất tại các cơ quan, đơn vị nhà nước hiện nay cơ bản đảm bảo cho việc triển khai các nội dung của Kế hoạch giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình bao gồm: (1) Dự thảo Kế hoạch giai đoạn 2026 – 2030 và kèm theo nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; (2) Văn bản góp ý dự thảo Kế hoạch của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia số .../TĐC-.... ngày .../.../2025; (3) Báo cáo tóm tắt kết quả triển khai “Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”; (4) Đánh giá kết quả triển khai Kế hoạch; (5) Bảng tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; các sở, ban, ngành và UBND xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (6) Tổng hợp các văn bản cơ quan, tổ chức tham gia góp ý./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TĐC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC